

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

THÔNG TIN
KHOA HỌC
SCIENTIFIC REVIEW

(Lưu hành nội bộ)

Kính Biên:

PHÚ THỌ

SỐ 3
2005

MỪNG XUÂN ẤT DẬU

MỪNG ĐẢNG QUANG VINH, MỪNG ĐẤT NƯỚC ĐỔI MỚI

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

TS. Lê Xuân Trường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

BAN BIÊN TẬP

PGS.TS.Cao Văn	- Trưởng ban
ThS. Đặng Văn Hương	- P.TB, thư ký
NGƯT. Nguyễn Hưng	- Ủy viên
ThS. Cao Văn Thịnh	- Ủy viên
NCS. Nguyễn Anh Tuấn	- Ủy viên
ThS. Đỗ Tùng	- Ủy viên
CN. Đỗ Khắc Thanh	- Ủy viên

MỤC LỤC

Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Nguyễn Minh Hiền:	1
"Xin gửi lời chúc tốt đẹp nhất tới các nhà giáo"	
ThS. Cao Văn Thịnh - Thơ Bác Hồ ca ngợi Đảng ta.	3
ThS. Cao Văn Thịnh - Nguyên tiêu (rằm tháng giêng) ⁽¹⁾ bài thơ hay, đẹp và mới mẻ.	5
CN. Nguyễn Ngọc Cường - Tự học - một tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về dạy học.	7
CN. Nguyễn Ngọc Cường - Tư tưởng Hồ Chí Minh về đồng bào các dân tộc miền núi.	11
Th.S Đặng Văn Hương - Sinh viên nghiên cứu khoa học tạo ra tiền đề cho việc tự học, tự nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở đại học và cao đẳng.	14
PGS.TS. Cao Văn, TS. Hoàng Toàn Thắng, TS. Phạm Đức Chương - Nghiên cứu sử dụng ngô HQ 2000 thay thế ngô thường để chăn nuôi gà thịt và lợn thịt.	17
NCS. Phạm Tuấn Anh - Những biện pháp tích cực hoá hệ thống câu hỏi - bài tập đọc - hiểu văn bản Văn học Trung học phổ thông.	22
ThS. Nguyễn Tiến Mạnh - Bội tròn của môđun trên vành địa phương.	30
ThS. Triệu Quý Hùng - Tổng hợp và chuyển hóa một số azometin dãy 5 - amino - 1 - etyl - 2 - metylindol.	34
ThS. Đặng Văn Hương- Tin hoạt động khoa học và quan hệ quốc tế.	40
CN. Nguyễn Văn Kỷ- Hướng dẫn thực hiện cuộc vận động " Dân chủ - Kỷ cương- Tình thương - Trách nhiệm".	

BỘ TRƯỞNG BỘ GD&ĐT NGUYỄN MINH HIỂN:

" XIN GỬI LỜI CHÚC TỐT ĐẸP NHẤT TỚI CÁC NHÀ GIÁO "

(Trích phát biểu của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Nguyễn Minh Hiền tại lễ kỷ niệm ngày nhà giáo Việt Nam 20-11 và phát động thi đua chào mừng những ngày lễ lớn trong năm 2005).

Hôm nay, Bộ GD&ĐT, Ban Khoa giáo Trung ương, Công đoàn giáo dục Việt Nam, Hội cựu giáo chức Việt Nam phối hợp tổ chức Lễ kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam và phát động thi đua chào mừng những ngày lễ lớn trong năm 2005. Thay mặt các cơ quan, đoàn thể đồng tổ chức, tôi xin gửi tới các nhà giáo, các đồng chí cán bộ quản lý giáo dục trong cả nước, hiện đang giảng dạy và công tác cũng như đã nghỉ hưu, những lời chúc mừng tốt đẹp nhất.

Với đạo lý uống nước nhớ nguồn, ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 hàng năm là dịp để các thế hệ học trò tôn vinh các thầy giáo, cô giáo. Tiếp nhận tình cảm biết ơn của các em học sinh, sinh viên, các nhà giáo và các cán bộ quản lý giáo dục hiện nay càng thấm thía công ơn của các thầy giáo, cô giáo thuộc các thế hệ đi trước, trong đó có các thầy, các cô đã từng dày công giáo dục, rèn giũa cho mình, đồng thời cũng thấy rõ hơn trách nhiệm của chúng tôi đối với đất nước, đối với các thế hệ học sinh hôm nay và mai sau.

Tại lễ kỷ niệm trọng thể ngày nhà giáo Việt Nam, Bộ GD&ĐT chính thức phát động đợt thi đua đặc biệt trong toàn ngành giáo dục, phát huy tốt truyền thống "Dạy tốt-học tốt", tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm", thiết thực lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn trong năm 2005 và Đại hội Thi đua toàn ngành giáo dục tiến tới Đại hội Thi đua toàn quốc lần thứ VII, nhằm thực hiện 6 nhiệm vụ trước mắt mà Chính phủ đã đặt ra trong Báo cáo về tình hình giáo dục trình Quốc hội. Cụ thể là:

1. *Đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân:* Tiếp tục tăng quy mô giáo dục; hoàn thiện hệ thống giáo dục theo hướng liên thông, mở ra nhiều khả năng và cơ hội học tập khác nhau cho thế hệ trẻ và cho người lớn; đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, xây dựng xã hội học tập.

2. *Nâng cao rõ rệt chất lượng và hiệu quả giáo dục:* Tập trung đổi mới mạnh mẽ hơn mục tiêu, nội dung giáo dục, đặc biệt là cách dạy, cách học trong nhà trường ở tất cả các cấp học, bậc học; tăng cường các điều kiện về đội ngũ giáo viên, giảng viên, cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

3. *Thực hiện tốt hơn nữa công bằng xã hội:* Ưu tiên phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn; tạo điều kiện cho con em các gia đình nghèo, con em đồng bào dân tộc thiểu số và trẻ em bị thiệt thòi được học tập.

4. *Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục:* Triển khai chiến lược dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân; mở rộng hình thức du học tại chỗ; xây dựng quan hệ với các trường có uy tín ở nước ngoài; thu hút đầu tư nước ngoài để phát triển giáo dục.

5. *Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý giáo dục:* Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý giáo dục; cải tiến công tác quản lý, điều hành, thực hiện cải cách hành chính; tập trung vào chức năng quản lý Nhà nước, lấy việc quản lý chất lượng làm nhiệm vụ trọng tâm; tăng cường quyền làm chủ và trách nhiệm xã hội của các trường; đổi mới và tăng cường công tác thanh tra giáo dục.

6. *Tăng cường nền nếp kỷ cương*: Khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan; tình trạng vi phạm các quy định trong giảng dạy, học tập, trong kiểm tra, thi cử, tuyển sinh, cấp phát và sử dụng văn bằng, chứng chỉ, trong thu chi tài chính; ngăn chặn và đẩy lùi các tiêu cực xâm nhập vào nhà trường và cơ quan giáo dục.

Sau 8 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII), 5 năm đưa Luật Giáo dục vào cuộc sống và hơn 3 năm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010, việc Quốc hội dành thời gian tập trung thảo luận Báo cáo về tình hình giáo dục và Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục do Chính phủ trình tại kỳ họp lần này là những sự kiện có ý nghĩa hết sức sâu sắc. Trong quá trình chuẩn bị Báo cáo và Dự án luật, các tầng lớp nhân dân trong xã hội đã

sôi nổi đóng góp ý kiến xây dựng bổ sung các chủ trương, chính sách, biện pháp đổi mới và phát triển nền giáo dục nước nhà. Nhân ngày nhà giáo Việt Nam, Bộ GD&ĐT xin chân thành cảm ơn các nhà giáo, nhà khoa học, nhà hoạt động xã hội, các bậc cha mẹ học sinh, các cơ quan truyền thông đại chúng đã thường xuyên quan tâm xây dựng sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ. Chúng tôi tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng, sự chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ, với sự quan tâm và nhiệt tình tham gia xây dựng của xã hội, sự nỗ lực của các nhà giáo, các cán bộ quản lý giáo dục và các em học sinh, sinh viên trong toàn Ngành, sự nghiệp giáo dục sẽ chuyển biến và có những bước phát triển mới, đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước và sự mong mỏi của Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

THƠ BÁC HỒ CA NGÔI ĐẢNG TA

ThS. Cao Văn Thịnh - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

Bác Hồ, Người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta. Trong Đảng, Người giữ chức vụ cao nhất: Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Khi làm thơ, Người là chủ thể trữ tình, trực tiếp bộc lộ ý nghĩ, tình cảm của mình về Tổ quốc, về Nhân dân, về Đảng. Lời thơ chính là tấm lòng thâm kín, lời nhắn gửi của tâm hồn thi sĩ với cuộc đời. Đọc thơ Bác, chúng ta thấy rõ tấm lòng, tình cảm của Bác đối với Tổ quốc, đối với đồng bào, thái độ trân trọng, yêu thương con người, tình yêu thiên nhiên, lòng tin tưởng, lạc quan, yêu đời của Bác. Là người lãnh đạo cao nhất nhưng đối với tổ chức Đảng, Người vẫn có những vần thơ thiết tha, nồng đượm.

Trước hết, Người ca ngợi sự vĩ đại của Đảng ta. Người đưa ra một so sánh hình ảnh đẹp đẽ nhất: "Đảng ta vĩ đại như biển rộng như núi cao". Sự vĩ đại đó là to lớn vô cùng. Bởi vì Đảng ta là tổ chức tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, bao gồm những con người tiên tiến nhất, mang sứ mệnh thiêng liêng lãnh đạo toàn dân ta đứng lên, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, cho dân tộc, giải phóng giai cấp, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Sự nghiệp vĩ đại trước tiên của Đảng là giải phóng Tổ quốc, giải phóng dân tộc. Trải qua 15 năm, tính từ ngày ra đời, Đảng ta lãnh đạo nhân dân dũng cảm, bền bỉ, đứng lên đấu tranh, không sợ súng gươm, máy chém, tù đầy, chết chóc, làm nên kỳ công Cách mạng Tháng tám lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, chín năm sau lại làm nên Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giải phóng nửa nước thân yêu. Khi trở lại thăm Pác Bó, ngày 20 tháng 2 năm 1961, là nơi làm việc trong những tháng năm đầu tiên trở về Tổ quốc, Người xúc động viết:

"Hai mươi năm trước ở hang này

*Đảng vạch con đường đánh Nhật, Tây
Lãnh đạo toàn dân ta chiến đấu
Non sông gấm vóc có ngày nay".*

Ngày ấy, chính Bác đã dự đoán, nhân dân ta phải trải qua một chặng đường dài 15 năm chiến đấu đầy gian khổ hy sinh mới giành được toàn thắng. Ngày 30-4-1975 non sông thu về một mối. Bắc Nam sum họp một nhà, thỏa điều mong ước của Bác và của toàn thể dân tộc ta. Chiến công vĩ đại ấy có được là nhờ Đảng ta "Vạch con đường" giải phóng, đã "Lãnh đạo toàn dân" đứng lên chiến đấu kiên cường.

Ngày nay, chúng ta đã có trọn vẹn "Non sông gấm vóc" và đang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là kết quả của hơn 71 năm "phấn đấu và thắng lợi biết bao nhiêu tình". Cái tình cốt nhục của Đảng với dân, cái tình xương máu của dân đối với Đảng, cái tình thủy chung Nam Bắc, cái tình đoàn kết của 54 dân tộc anh em, cái tình hữu nghị với bạn bè quốc tế, cái tình ấm áp đồng bào đồng chí của hạt muối chia hai, hạt gạo chia ba trong gian khổ hy sinh, cái tình lá lành đùm lá rách, cái tình thương nhau lũ lụt, hạn hán, mất mùa, động đất, bệnh tật ốm đau, côi cút trong cuộc sống hòa bình dựng xây. Sự nghiệp cách mạng ấy là của toàn Đảng, toàn dân ta trên con đường "phấn đấu và thắng lợi" đã có "biết bao nhiêu tình" sinh ra, nhân lên cao đẹp, tươi thắm muôn vắn.

Trong một lời thơ dài, Bác ca ngợi bản chất tư tưởng của Đảng ta:

"Đảng ta là đạo đức là văn minh

Là thống nhất, độc lập là hòa bình ấm no"

Chỉ hai dòng thơ, Bác dùng đến 4 hệ từ là. Trước tiên, Đảng ta "là đạo đức". Bởi vì sự nghiệp của Đảng ta rất cao cả, đấu tranh để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người khỏi xiềng xích nô lệ của chế độ thực dân phong kiến, khỏi

kiếp sống ngựa trâu, khỏi nghèo nàn, dốt nát, tối tăm, không những đối với nước ta, dân ta, còn tham gia giải phóng các dân tộc khác, nước khác, khỏi áp bức, cứu họ thoát khỏi họa diệt chủng. Đó là nhân đạo nhất, cũng là đạo đức nhất mà Đảng ta đã làm trước đây, cả hôm nay và mai sau nữa.

Đảng ta "là văn minh", ở chỗ không những giải phóng con người mà còn xây dựng con người văn hóa, xã hội văn hóa. Từ đó xây dựng nền văn minh của thời đại mới, trên cơ sở tiếp thu các nền văn hóa, văn minh trong lịch sử dân tộc như nền văn hóa Sơn Vi, Đông Sơn, nền văn minh Sông Hồng để xây dựng "nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", đồng thời xây dựng nền văn minh xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, Đảng ta là tổ chức tiên tiến nhất, cách mạng nhất, từ khi thành lập luôn tiếp thu, truyền bá những tư tưởng, thành tựu tiên tiến nhất, văn minh nhất chuyển nó thành hiện thực sinh động trên đất nước ta.

Đối với Tổ quốc và dân tộc sự nghiệp của Đảng ta là phấn đấu để đất nước ta được thống nhất, dân tộc ta được độc lập. Trải qua 45 năm chiến đấu đầy gian khổ hy sinh, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta mới có "thống nhất độc lập" toàn vẹn. Nhưng chúng ta phải tiếp tục phấn đấu giữ vững "thống nhất, độc lập", đường lối chiến lược của Đảng đưa ra trong hòa bình: Vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa bảo vệ Tổ quốc. Giữ vững độc lập dân tộc, thống nhất đất nước đã trở thành ý thức hệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Bản chất tư tưởng của Đảng ta "là hòa bình ấm no". Đó còn là mục tiêu phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân ta. Đảng ta luôn có kế sách để duy trì nền hòa bình, ổn định, bằng cách quan hệ đa phương, hữu nghị với tất cả các nước, các dân tộc để cùng chung sống hòa bình, giữ gìn an ninh, trật tự để duy trì sự ổn định. Phấn đấu không ngừng

để được "ấm no" là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta. Đảng đưa ra đường lối, chính sách phấn đấu cho dân giàu nước mạnh. Lâu dài là đường lối chiến lược phát triển kinh tế nông nghiệp, công nghiệp thích hợp làm cho nền kinh tế tăng trưởng mạnh, đồng thời tiến hành công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, hội nhập nền kinh tế thế giới, chủ động trong nền kinh tế thị trường, tự tin bước vào nền kinh tế tri thức, để nước ta càng giàu dân càng mạnh. Trong hoàn cảnh hiện tại thực hiện chủ trương "xóa đói giảm nghèo", khuyến khích làng nghề truyền thống và tương thân tương ái giúp đỡ nhau, để ai ai cũng được hạnh phúc, ấm no.

Từ 40 năm trước, thơ Bác đã khẳng định:

"Công ơn Đảng thật là to"

Ba mươi năm lịch sử Đảng là cả một pho lịch sử bằng vàng".

Công ơn Đảng, tính đến ngày nay to lớn hơn nhiều lần. Trải 71 năm hoạt động của Đảng lịch sử ghi lại là rất vẻ vang. Thời đó Bác đã đưa ra một so sánh hình ảnh quý giá nhất: "là cả pho lịch sử bằng vàng". 40 năm qua thực hiện lời dạy của Bác chúng ta đã thêm nhiều trang lịch sử vàng cho pho lịch sử bằng vàng của Đảng dày hơn, đẹp đẽ hơn.

Đọc lại những vần thơ của Bác ca ngợi Đảng quang vinh. Chúng ta thấy một chủ thể trữ tình đượm tình người. Đối với Đảng ta, Bác là một cá thể có ý thức, trách nhiệm cao nhất. Vì thế, Bác có một câu thơ rất gần gũi, rất cảm động, nhắc ta khắc cốt ghi xương: "Ơn Đảng như mẹ như cha".

Nhớ công ơn Đảng, mỗi chúng ta xin nguyện phấn đấu suốt đời, trung thành tận tụy với Đảng với dân. Đồng tâm thực hiện điều mong muốn cuối cùng của Bác là: "Xây dựng một nước Việt Nam, hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

NGUYỄN TIÊU (RẪM THÁNG GIÊNG) ⁽¹⁾ BÀI THƠ HAY, ĐẸP VÀ MỚI MÃI

ThS. Cao Văn Thịnh - Khoa Khoa học Xã hội và Nhân Văn.

Trong những bài thơ chữ Hán của Bác Hồ viết vào thời gian sau Cách mạng Tháng Tám thì bài thơ Nguyễn tiêu (Rằm tháng Giêng) viết vào đầu năm 1948, tại chiến khu Việt Bắc là bài thơ đầu tiên.

Nguyên văn

Nguyên tiêu

Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên
Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên
Yên ba thâm xứ đàm quân sự
Dạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền.

Dịch nghĩa

Rằm tháng giêng

Đêm nay rằm tháng giêng, trăng vừa tròn
Nước sông xuân tiếp liền với màu trời xuân
Giữa khói sóng thăm thẳm, bàn bạc việc quân
Nửa đêm trở về, thuyền đầy ánh trăng

Dịch thơ

Rằm tháng giêng

Rằm xuân lồng lộng trăng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân
Giữa dòng bàn bạc việc quân
Khuya về bát ngát trăng ngân đầy thuyền

* Bài dịch của Xuân Thủy

Trong giai đoạn cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện chống thực dân Pháp xâm lược nằm trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn gian khổ. Thời kỳ này trong Chính phủ và trong các cơ quan Trung ương có rất nhiều nhân sĩ, trí thức tham gia làm việc. Họ có nhiều tri thức về Hán học, nhiều người biết làm thơ, thưởng thức các thể thơ cổ. Để động viên mọi người toàn tâm, toàn sức phục vụ kháng chiến, phục vụ cách mạng lâu dài. Bác Hồ làm cả hai loại thơ: Thơ tiếng Việt dành cho đông đảo đồng bào và chiến sĩ, thơ chữ Hán dành cho nhân sĩ,

trí thức tâm huyết đang phụng sự cách mạng, phụng sự kháng chiến, kiến quốc. Trong tập thơ Hồ Chí Minh (Nhà xuất bản GD 1977) chúng ta thấy, năm 1948 Người viết 5 bài thơ chữ Hán: Nguyên tiêu (Rằm tháng giêng), Báo tiếp (Tin thắng trận), tặng Bùi Công (Tặng cụ Bùi Bằng Đoàn), Thu dạ (Đêm thu), tặng Võ Công (tặng cụ Võ Liêm Sơn). Trong 5 bài thơ đó chỉ có bài thơ Nguyên tiêu, Người dành cả 4 câu miêu tả thiên nhiên, nhưng không phải vì thế mà chúng ta không thấy con người, chủ thể trữ tình trong đó.

Bài Nguyên tiêu là bài thơ tứ tuyệt hay, đẹp và rất mới. Trong hiện thực có cái hay nhưng không đẹp, có cái đẹp nhưng không mới. Trong thơ cái hay, cái đẹp, cái mới quy về hình thức và nội dung, nên nhiều lời bình chỉ nói đến cái hay mà ta vẫn liên tưởng đến cái đẹp, cái mới trong thơ là vậy. Thơ tứ tuyệt bao gồm thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt, đều là vốn quý của Trung Hoa, vốn quý của nhân loại, được người Việt Nam ta rất ưa chuộng, được các nhà thơ Việt Nam ta trong nhiều thời đại tiếp nhận và sáng tạo. Thơ tứ tuyệt có một hình thức đẹp, một cấu trúc liên kết theo hướng “khai - thừa - chuyển - hợp, có nhà nho xưa đã nói: “mỗi chữ là một người hiền” và vì nó là thơ nên “mỗi từ là một hiệp sĩ trong đội quân không thể thay thế được”.

Câu mở đầu bài thơ “Kim dạ nguyên tiêu nguyệt chính viên” (Đêm nay, rằm tháng giêng, trăng vừa tròn). Có người bình cho rằng câu thơ này với bút pháp bình thường. Theo tôi nghĩ không phải thế vì các câu thơ tứ tuyệt đều nằm trong một chỉnh thể, thì không phải xem nhẹ một yếu tố nào. Câu thơ này giữ vị trí mở đề, nó vừa phải quán xuyến làm rõ đầu đề, vừa mở ra cái nền, cái diện mạo cho cả bài thơ. Câu thơ mang tiêu đề (đầu đề) “Nguyên tiêu”, xác định rõ thời gian “đêm nay” vừa lúc “nguyệt

chính viên” (trăng vừa tròn), là lúc mới vào đêm, trăng vừa lên, bầu trời phong quang. Câu này lại là câu thơ thất ngôn (bảy tiếng), nên cái dư vị, âm hưởng ngân nga, lan tỏa, đưa người đọc vào thế giới quen thân, đồng cảm với tâm hồn chủ thể nhà thơ.

Câu thừa: “Xuân giang, xuân thủy tiếp xuân thiên” (nước sông xuân tiếp liền với màu trời xuân). Câu này hợp với câu trước, tiếp tục hoàn thiện một ý, miêu tả cảnh sắc thiên nhiên Việt Bắc, cảnh xuân trong đêm rằm tháng giêng. Cảnh vật cũng hiện lên trong con mắt thơ, cũng theo chiều không gian từ xa đến gần, từ gần tới xa của “giang - thủy - thiên” (sông, nước, trời). Chữ “Xuân” gọi hình ảnh tượng trưng được lặp đi lặp lại 3 lần, miêu tả cảnh vật xanh tươi, đầy sức sống. Chữ “tiếp” làm cho chiều rộng, chiều cao mở ra không gian đến vô cùng như thấu suốt toàn thể vũ trụ thiên - địa - nhân. Bởi vì thiên - địa (trời đất) có vạn vật, có con người có thi nhân trong ấy, câu này còn thể hiện sức sống trong con người chủ thể, nhà thơ tỏa ra tràn đầy. Đến bây giờ đầu ai chưa một lần lên Việt Bắc, đọc câu thơ này cũng cảm thấy thiên nhiên nơi ấy đẹp đến vô cùng, ở đó mang tâm hồn Bác bao la với sức xuân, đất nước đang tràn đầy, từ mùa xuân này đến mùa xuân khác không dứt bao giờ.

Câu chuyển “Yên ba thâm xứ - đàm quân sự” (giữa nơi khói sóng thăm thăm bàn bạc việc quân). Câu thơ có vai trò đặc biệt quan trọng, vừa tiếp ý hai câu trước, vừa chuyển ý và quyết định sự thành công của bài thơ. Trong “Yên ba thâm xứ” (sâu trong khói sóng) nhà thơ xưa thường yếm thế, vẩn vơ trong mộng mị, sầu đau, đậm tình cảm bi quan, nỗi buồn vong quốc, mối hận riêng tư, nỗi nhớ cố hương, nhớ nhà, nhớ người thân, phần nhiều là ủy mị. Nhưng ở đây, trong “Yên ba thâm xứ” chủ thể trữ tình hiện lên là lãnh tụ, nhà quân sự đang đàm đạo việc quân, việc nước, những việc hệ trọng của quốc gia, trong một

hoàn cảnh đặc biệt, sâu trong sương khói, giữa rừng sâu, núi thẳm, không phải là nơi quân doanh hay đại bản doanh uy nghi, cờ xí rợp trời, quan quân tề chỉnh. Cái ý chuyển đã mang cái mới vào thơ, chính là tinh thần chiến đấu, tinh thần cách mạng tiến công. Hình ảnh thơ rất mới, con người chiếm một vị trí chủ đạo, đó là con người nhập thế tích cực đang làm chủ vận mệnh của mình, của dân tộc mình.

Câu hợp: “Đạ bán quy lai nguyệt mãn thuyền” (nửa đêm trở về, thuyền đầy ánh trăng). Cái ý chuyển của câu thứ ba đã quyết định câu hợp, chuyển hợp đã kết lại với nhau để diễn tả một ý thơ trọn vẹn. Việc đàm đạo quân sự vừa mới nửa đêm thôi cũng không phải bỏ đi hoặc di chuyển, bàn bạc xong thì “quy lại” (trở về). Cái chủ động làm nên phong thái ung dung tự tại của nhà thơ. Câu thứ tư đã hợp lại, làm cho cả bài thơ hay lên, đẹp hẳn lên. Thời gian và không gian nghệ thuật của bài thơ được xác định. Từ cái thời gian “nguyệt chính viên” (trăng vừa tròn) đến lúc nửa đêm, trăng trên đỉnh bầu trời, đối diện với thuyền trên sông nước làm nên hình ảnh thơ “nguyệt mãn thuyền”, (trăng đầy thuyền) tuyệt đẹp mà ý hay xưa nay chưa có. Hình tượng trăng, hình tượng mùa xuân tràn đầy sức sống đẹp mãi trong cảnh sắc thiên nhiên, đất nước, trong mỗi người Việt Nam. Tứ thơ luôn luôn vận động bởi chất trữ tình và chất thép hòa hợp với nhau một cách nhuần nhuyễn làm nên cái hay, cái đẹp, cái mới của bài thơ.

Như vậy, Bác Hồ của chúng ta đã đưa tứ thơ tứ tuyệt lên đỉnh cao của sự độc đáo, trở thành di sản tinh thần của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Nhân năm nay, Hội nhà văn Việt Nam quyết định lấy ngày 15 tháng giêng hàng năm làm ngày thơ Việt Nam, kỷ niệm ngày Bác Hồ làm bài thơ “Nguyên tiêu” nổi tiếng. Nên cái hay, cái đẹp, cái mới của bài thơ “Nguyên tiêu” và nhiều bài thơ của Bác sẽ là mãi mãi.

TỰ HỌC - MỘT TƯ TƯỞNG LỚN CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ DẠY HỌC

CN. Nguyễn Ngọc Cường- Bộ môn Mác Lênin

Chúng ta đều biết rằng, trong việc dạy học, đặc biệt là dạy học người lớn, sự nghiên cứu quá trình tự học cũng như các phương thức tổ chức tự học cho cán bộ và nhân dân lao động ở nước ta hiện nay trở nên vô cùng quan trọng và bức thiết. Đây không chỉ là lý luận phương pháp mà giáo giới quan tâm, mà nó còn là nhiệm vụ hàng đầu, cấp bách của việc nghiên cứu quá trình nâng cao trình độ học vấn cho tất cả mọi người trong cộng đồng. Có thể nói cốt lõi của học tập là việc tự học.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có tư tưởng rất lớn và hiện đại về cách học nói chung (Người thường dùng thuật ngữ "Kiểu học") và đặc biệt về vấn đề mà Người gọi là "Tự động học tập".

Đây là cống hiến to lớn và quý giá của Người vào kho tàng lý luận dạy học của chúng ta.

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tự học có thể quy thành các vấn đề cụ thể sau:

1. Trong việc tự học, điều quan trọng hàng đầu là xác định rõ mục đích học tập và xây dựng động cơ học tập đúng đắn.
2. Phải tự mình lao động để tạo điều kiện cho việc tự học suốt đời.
3. Muốn tự học thành công phải có kế hoạch sắp xếp thời gian học tập, phải bền bỉ, kiên trì thực hiện kế hoạch đến cùng, không lùi bước trước mọi trở ngại.
4. Phải triệt để tận dụng mọi hoàn cảnh, mọi phương tiện, mọi hình thức để tự học.
5. Học đến đâu, ra sức luyện tập, thực hành đến đó.

Thứ nhất, trong hoạt động tự học cũng như trong bất kỳ hoạt động nào, trước tiên cần xây dựng mục đích học tập, xây dựng động cơ

học tập. Trong lời khuyên đối với một người tự học, việc xác định đúng đắn mục đích tự học được Bác nhắc đến đầu tiên: Phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học: "Phải biết tự động học tập". Muốn vậy, "Phải hiểu rõ mấy điều"; "Học để làm gì? - Học để sửa chữa tư tưởng... - Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng... - Học để tin tưởng... - Học để hành".

Trong lần đến thăm và nói chuyện với nam nữ thanh niên học sinh các trường trung học Nguyễn Trãi - Chu Văn An và Trưng Vương Hà Nội ngày 18/12/1954. Bác phân tích mục đích, động cơ của việc học tập như sau: "Nhiệm vụ chính của thanh niên học sinh là học. Dưới chế độ thực dân phong kiến, mục đích đi học là cốt được mảnh bằng để làm ông thông, ông phán lĩnh lương nhiều ăn ngon, mặc đẹp. Thế thôi, số phận dân tộc thế nào, tình hình thế giới biến đổi thế nào, không hay không biết gì hết... Mục đích giáo dục nô lệ của thực dân phong kiến chỉ để đào tạo ra những trí thức nô lệ để hầu hạ chúng. Ngày nay, ta đã được độc lập, tự do, thanh niên mới thật là người chủ tương lai của nước nhà".

Muốn xứng đáng với vai trò người chủ thì phải học tập... học để phụng sự ai? Để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, làm cho dân giàu nước mạnh, tức là để làm tròn nhiệm vụ người chủ của nước nhà".

Người luôn thấy rõ vai trò của học tập đối với mọi người cách mạng: "Chúng ta phải học và hoạt động cách mạng suốt đời. Còn sống thì còn phải học, còn phải hoạt động cách mạng". Người cho đây là yêu cầu bắt buộc đối với người cán bộ cách mạng, là cách tốt nhất để nâng cao trình độ hiểu biết, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cách mạng, của sản xuất. Người cho rằng: Học hỏi một việc phải tiếp tục suốt đời, không ai có thể tự cho mình

đã biết đủ rồi, biết hết rồi. Thế giới ngày nay luôn đổi mới, nhân dân ta càng tiến bộ, cho nên chúng ta phải tiếp tục học và hành để tiến bộ kịp nhân dân. Theo Người, muốn "học suốt đời" thì phải tự học. Khi chỉ thị về cách học tập trong việc huấn luyện cán bộ. Người đã nói: "Lấy tự học làm cốt, có thảo luận và chỉ đạo giúp vào".

Thứ hai, cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là một tấm gương sáng về tự học. Người trưởng thành trong tự học, trong lao động và trong đấu tranh cách mạng. Tại Đại hội VII của Quốc tế cộng sản (1935) mọi người hết sức kinh ngạc và khâm phục khi đọc bản khai lý lịch đại biểu của Người với bí danh là Lin. Trả lời câu hỏi trong mục: Trình độ văn hoá (đại học, trung học, tiểu học) Người ghi: "Tự học". Tiếp theo là mục: đồng chí biết ngoại ngữ gì? - Trả lời: "Anh, Pháp, Trung Quốc, Ý, Đức, Nga"... có thể nói suốt quá trình tự học, dù là học tiếng nước ngoài, học tri thức cách mạng, học văn hoá, học làm báo... Người luôn luôn tự xác định cho mình mục đích học tập đúng đắn, với động cơ trong sáng. Người tự học với ý nguyện cao cả là tìm ra con đường đấu tranh cứu nước, cứu dân, làm cho tổ quốc được độc lập, nhân dân được tự do, đồng bào ai cũng được hạnh phúc.

Theo ý của Người: Việc xác định mục đích và xây dựng động cơ học tập không chỉ là vấn đề của học tập mà đó là vấn đề đạo đức, là nhân cách của người học. Đây chính là vấn đề quyết định hiệu quả của tự học.

Quá trình tự học của Chủ tịch Hồ Chí Minh bao giờ cũng gắn liền với quá trình lao động của Người. Chính lao động đã tạo điều kiện nhiều mặt để tự học tốt. Những ngày, tháng Người sống và hoạt động ở Pháp, ở Anh... không chỉ là những ngày tháng học tập và đấu tranh bền bỉ, kiên trì, đầy nguy hiểm mà còn là những ngày tháng lao động đầy gian nan để kiếm sống, mưu sinh, kiếm sống để tự học, tự học để làm cách mạng. Tuy lao động hết sức cực nhọc, cuộc sống hết sức nghèo khổ

thiếu thốn, nhưng không bao giờ Người rời bỏ mục đích học tập. Chúng ta đã nghe rất nhiều chuyện, nhiều lần về tinh thần say mê học tập của Người khi còn làm phụ bếp trên tàu biển của hãng "Vận tải hợp nhất". Những thủy thủ trên tàu này đã kể lại với sự khâm phục: "Mỗi ngày, đến chín giờ tối công việc mới xong. Anh Ba mệt lử, nhưng trong khi chúng tôi nghỉ hoặc đánh bài, anh Ba còn đọc hay viết đến mười một giờ hoặc nửa đêm".

Vừa học tập, vừa lao động, vừa hoạt động cách mạng đòi hỏi phải có kế hoạch chặt chẽ về thời gian và đòi hỏi tinh thần kiên trì thực hiện kế hoạch. Tấm gương tự học của Người cũng là tấm gương tự học với tinh thần bền bỉ, nhẫn nại.

Người đã khuyên: "Phải tự nguyện, tự giác, xem công tác học tập cũng là một nhiệm vụ mà người cán bộ cách mạng phải hoàn thành cho được, do đó mà tích cực, tự động hoàn thành kế hoạch học tập, nêu cao tinh thần chịu khó, cố gắng không lùi bước bất kỳ khó khăn nào trong việc học tập".

Thứ ba, nhờ tự học và với sự cố gắng kiên trì, với sự giúp đỡ tận tình của bè bạn, Người đã trang bị cho mình một vốn văn hoá quan trọng. Nhờ tự học, nhờ lao động với công nhân, thợ thuyền quần chúng, nhờ tham gia phong trào cách mạng Người đã tìm đến được với chủ nghĩa Mác-Lênin và trở thành người chiến sĩ kiên cường đấu tranh cho chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa Quốc tế vô sản. Người đạt được những thành công to lớn trong việc tự học là nhờ tích lũy cho mình được vốn sống, những kinh nghiệm phong phú trong thực tiễn đấu tranh, thực tiễn đời sống của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nơi mà Người đã đi qua. Một nghị sĩ quốc hội Pháp đã xin được cho Người một thẻ thư viện quốc gia Pháp. Bác đã triệt để sử dụng thư viện để làm vốn kiến thức của mình, để trang bị cho mình một trình độ lý luận sắc bén nhằm giải đáp những vấn đề mà thực tiễn đấu tranh cách mạng đặt ra.

Thứ tư, trong quá trình tự học của Bác,

không những Người triệt để tận dụng những tổ chức, những hoạt động có sẵn trong xã hội như: thư viện, câu lạc bộ, sách báo, các buổi hội thảo, các bảo tàng... mà Người còn tự mình tạo ra những hình thức học tập mới sinh động và bổ ích như: Tranh thủ sự giúp đỡ, sự hướng dẫn chỉ bảo của người khác, học trong đi giao thiệp, trong công tác vận động quần chúng, mà Người gọi là: "học trong nhân dân". Theo Người, đây là một trường học thực tế sôi động, là nơi để "hành" điều đã học. Người chỉ rõ: "Học ở đâu? Học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn. "Trong suốt những năm tháng hoạt động cách mạng và tự học của mình, Người đã "học nhân dân" rất nhiều. Để chuẩn bị đến Pháp, Bác đã đặt cho mình kế hoạch học tiếp Pháp, Bác học ở những người lính thủy Pháp ở trên tàu, với những người giúp việc... Chính Người kể lại: "Sau khi hỏi được nghĩa những từ mới, Bác viết vào một mảnh giấy, dán vào chỗ hay để ý nhất, có khi viết vào cánh tay để trong lúc làm việc vẫn học được. Lại cả khi đi đường Bác cũng nhắm bài học. Ban đêm, khi chưa ngủ, Người lấy tay viết mò xuống chân những chữ khó cho kỳ nhớ mới thôi, và thế là đã học thêm được vài từ mới nữa".

Thứ năm, trong tự học, Người có một nguyên tắc là: Học đến đâu luyện tập và thực hành đến đó. Học được chữ nào, Người tìm cách ghép câu để dùng ngay. Học như thế sau một thời gian ngắn, Bác đã viết được báo và sách bằng tiếng nước ngoài. Ngoài ra, Bác còn chịu khó đi dự mít tinh, toạ đàm, du lịch, để qua đó vừa vận dụng, luyện tập những từ đã học, vừa làm tăng vốn từ mới, Người giao thiệp rộng với mọi người cũng một mặt để luyện tập ngoại ngữ, mặt khác thường xuyên đọc sách báo bằng tiếng nước ngoài để trau dồi thêm vốn hiểu biết của mình về tiếng.

Từ những nội dung trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tự học liên hệ với thực tiễn dạy - học hiện nay chúng ta cần mạnh dạn chỉ ra những thực trạng còn đang tồn

tại trong đời sống xã hội như sau:

Thứ nhất, về việc xác định mục đích học tập, xây dựng động cơ học tập đúng đắn. Nhiều người trong chúng ta hiện nay còn coi việc học tập là cơ hội để có thêm mảnh bằng, để bề bộn lợi. Nếu như dân gian ngày xưa phê phán thói học để làm "ông nọ, bà kia" thì ngày nay động cơ đó không khác gì mấy và việc học tập trở nên không có mục đích rõ ràng. Đương nhiên ở xứ sở chúng ta tuy truyền thống hiếu học là phổ biến nhưng vì nền kinh tế chưa phát triển, đời sống xã hội còn nặng nề, tư tưởng, tâm lý của xã hội cũ để lại cho nên nhiều bậc phụ huynh quan niệm rằng: Cho con em đi học là để thoát khỏi sự lam lũ của cuộc sống nông nghiệp lạc hậu "Chân lấm, tay bùn".

Đối với cán bộ viên chức, những người lớn tuổi, cũng còn chưa nhận thức được việc học tập thường xuyên nhằm nâng cao trình độ như là một yêu cầu, một đòi hỏi tất yếu của bản thân, của công việc. Việc "học thường xuyên", "học suốt đời" vẫn chỉ dừng lại ở khẩu hiệu, thậm chí nhiều người còn đối phó với việc học tập, có nhiều những suy nghĩ lệch lạc, và những suy tính thiên cần trong việc tự học, tự rèn.

Thứ hai, trong điều kiện hoàn cảnh khá thuận lợi mà Đảng và Nhà nước có thể tạo được nhằm giúp tất cả mọi người trong xã hội: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, thì cũng không ít người trong chúng ta kể cả lớp trẻ là học sinh, sinh viên đã không tận dụng được những điều kiện thuận lợi đó. Nói thẳng ra là còn lười nhác, ỷ lại và đương nhiên là sẽ thiệt hại rất nhiều cho công quỹ Nhà nước. Đây là một lãng phí lớn mà ít người nhận ra. Sự thiếu cố gắng đó nghĩ lại, chúng ta thấy hổ thẹn với tư tưởng tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với những lời chỉ dẫn quý báu của Người về việc tự học. Vấn đề này cần có những giải pháp cụ thể.

Thứ ba, đây là thực trạng có tính chuyên môn của ngành giáo dục đào tạo. Nhiều cán bộ quản lý giáo dục mà trực tiếp là

giáo viên dạy ở các cấp học, ngành học, bậc học chưa quan tâm tới việc nâng cao, hướng dẫn và phát triển năng lực tự học cho học sinh, sinh viên, học viên nhất là các học viên lớn tuổi.

Từ thực trạng của việc dạy và học trên đây, mà cụ thể là vấn đề tự học hiện nay. Chúng ta có thể đề cập tới hai khía cạnh lớn mang tính giải pháp như sau:

Một là, học sinh, sinh viên ngay từ khi còn ngồi ghế nhà trường phổ thông, cao đẳng, đại học.

Ngoài việc giáo dục mục đích, động cơ, thái độ học tập đúng đắn thì phải được trau dồi và phát triển cả ý thức và năng lực tự học. Các cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên ở các cấp học, ngành học cần phải quan tâm hơn nữa đến việc hướng dẫn nâng cao và phát triển năng lực tự học cho học sinh, sinh viên. Đặc biệt là các trung tâm đào tạo bồi dưỡng thường xuyên, các trường bổ túc văn hoá trong các giờ dạy, giáo viên cần chú ý nhiều hơn đến phương pháp hướng dẫn tự học, giúp người học lớn tuổi có năng lực tự học, làm cho việc học tập đạt kết quả cao.

Hai là, Nhà nước và xã hội cần khuyến khích và kích thích nhu cầu tự học ở mỗi người mở rộng thêm các hình thức, tạo những phương tiện thuận lợi cho việc tự học như: phát triển thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hoá, cùng với các phương tiện truyền thông như: Đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, báo chí... với quy mô thích hợp, nhằm để có điều kiện thu hút

đông đảo cán bộ và nhân dân hứng thú tham gia đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của mỗi người và của cả xã hội.

Tóm lại:

Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tự học là một di sản quý báu, nó vừa phản ánh được giá trị truyền thống của dân tộc ta là hiếu học và coi trọng việc học, lại vừa tiêu biểu cho tư tưởng giáo dục tiến bộ của thời đại. Tư tưởng của Người không chỉ phản ánh quy luật khách quan của quá trình xây dựng và phát triển nền giáo dục hiện đại của các nước trên thế giới mà còn nói lên ước nguyện chân chính và sâu sắc của quảng đại quần chúng nhân dân lao động ở nước ta về quyền lợi và hạnh phúc được học tập.

Vấn đề tự học là một tư tưởng lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về cách học. Những lời chỉ dẫn quý báu và những bài học kinh nghiệm sâu sắc rút ra từ chính tấm gương tự học bền bỉ và thành công rực rỡ của người cho đến nay vẫn mang giá trị to lớn. Đặc biệt, trong tình hình mới khi mà cuộc cách khoa học kỹ thuật đang phát triển mạnh mẽ mang tính toàn cầu hoá và xã hội đang có nhiều biến đổi sâu sắc thì vấn đề tự học nhằm nâng cao nhận thức toàn diện của mỗi người đang trở thành một yêu cầu cấp bách và bắt buộc cho tất cả những ai đang đứng trong guồng máy sản xuất xã hội. Vấn đề này ngày càng đặt ra gắt gao, bức xúc, thậm chí nó quyết định sự tồn tại của từng người trước những đòi hỏi của nền sản xuất, của xã hội.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC MIỀN NÚI

CN. Nguyễn Ngọc Cường- Bộ môn Mác-Lênin

Nước ta là một quốc gia thống nhất, đa dân tộc, bao gồm 54 dân tộc anh em cùng sinh sống, kề vai sát cánh bên nhau trong suốt quá trình dựng nước và giữ nước, trong đó dân tộc Kinh chiếm đa số (87% dân số), còn lại là các dân tộc thiểu số (13%). Phần lớn các dân tộc thiểu số sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo - là những vùng có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng và môi trường sinh thái. Đồng bào các dân tộc vốn có truyền thống đoàn kết lâu đời trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm, chế ngự thiên nhiên, khắc phục thiên tai và xây dựng đất nước. Mỗi dân tộc đều có sắc thái văn hoá riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hoá dân tộc.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn thấy rõ vị thế đó của đồng bào các dân tộc, đã đề ra những chủ trương, chính sách có ý nghĩa chiến lược để đảm bảo khối đoàn kết thống nhất, phát huy vai trò của đồng bào các dân tộc thiểu số trong kháng chiến chống xâm lược, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về các dân tộc miền núi và đồng bào các dân tộc miền núi là một bộ phận trong tư tưởng cách mạng của Người. Những quan điểm của Người về vấn đề đó có thể khái quát trên ba mặt cơ bản sau:

Thứ nhất, theo Hồ Chí Minh, vấn đề dân tộc trước hết là vấn đề đại đoàn kết toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Người khẳng định: Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, "Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt". Người cho rằng, trên dải đất Việt nam, các dân tộc dù "Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Giarai hay Êđê, Xêđăng hay Bana và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau"². Vì vậy, "... tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn non nước ta, để ủng hộ Chính phủ ta"³. Dù rằng bận trăm công nghìn việc nhưng Người vẫn không quên

viết thư thăm hỏi đồng bào các dân tộc thường xuyên, Người căn dặn và động viên: "Để nhân dân, mọi người được ấm no, mọi người đều biết chữ, mọi người đều tiến bộ, đồng bào cần phải cố gắng hơn nữa"⁴. Sự quan tâm ấy mang tính chiến lược "Đại đoàn kết" mà Người vẫn coi trọng trong toàn bộ hoạt động cách mạng của Người, trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam nhằm giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Người thường nói: "Đảng, Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi công việc và sự tiến bộ của đồng bào"⁵. Người kết luận: "Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đoàn kết nhất trí thì khó khăn gì cũng khắc phục được, công việc to mấy cũng làm được"⁶

Thứ hai, Hồ Chí Minh cho rằng, vấn đề dân tộc và miền núi có vị trí chiến lược không chỉ về an ninh quốc phòng mà cả về kinh tế và môi trường. Người nêu rõ, đồng bào các dân tộc là những người con "rất trung thành, chịu khó", "rất thật thà và rất tốt". Những đức tính nổi trội đó của đồng bào "nhập với thể hiểm trở của núi sông, trở thành sức mạnh vô địch". "Miền núi có tài nguyên rất phong phú, có nhiều khả năng để mở mang nông nghiệp và công nghiệp. Những điểm đó nói rõ rằng, miền núi có một địa vị cực kỳ quan trọng về kinh tế, chính trị và quốc phòng của cả nước ta"⁷, giàu có để nâng cao hơn nữa đời sống của nhân dân, để thực hiện CNH, HĐH đất nước Người nhắc nhở: "Những cây gỗ to, cao chặt để đốt hay để cho nó mục nát không khác gì đồng bào tự đem tiền bạc đổ xuống sông"⁸. Người căn dặn: "Phải giữ gìn rừng cho tốt 5 năm, 10 năm nữa rừng là vàng, là bạc, là máy móc cả"⁹.

Thứ ba, trong một quốc gia đa dân tộc như nước ta, Hồ Chí Minh rất coi trọng những nét độc đáo, bản sắc văn hoá riêng của mỗi dân tộc. Những truyền thống, đặc điểm riêng đó cùng với tiềm năng to lớn, nơi dân tộc đang sinh sống là cơ sở để Hồ Chí Minh khẳng định: Nước ta có nhiều dân tộc, đây là điểm tốt. Cần tôn trọng, giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc. Người cho rằng: "Muốn phát triển văn hoá các dân

tộc phải tẩy trừ những thành kiến, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau như anh em một nhà"¹⁰.

Những quan điểm trên của Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và miền núi là những bài học vô giá để Đảng ta kế thừa và phát huy, nhằm củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng, hoàn thiện chính sách đối với đồng bào các dân tộc và miền núi.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, Đảng ta đã khẳng định: "Vấn đề dân tộc có vị trí chiến lược lớn"¹¹; và đã đề ra những chủ trương, chính sách đúng đắn đối với các vùng dân tộc thiểu số và miền núi: phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phù hợp với đặc điểm, điều kiện từng vùng, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc khai thác thế mạnh của địa phương, làm giàu cho mình và đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới; ưu tiên đặc biệt phát triển giáo dục - đào tạo, coi trọng việc đào tạo cán bộ và đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số, tôn trọng và phát huy những giá trị văn hoá tốt đẹp của từng dân tộc; quan tâm đặc biệt đến các vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, từng bước ngăn chặn sự suy giảm dân số, suy giảm đời sống của một số dân tộc thiểu số, nhằm thực hiện cho được ba mục tiêu chủ yếu là xoá đói, giảm nghèo, xoá mù chữ, nâng cao dân trí, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc vững mạnh.

Sau hơn 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tình hình các vùng đồng bào dân tộc và miền núi có những bước chuyển biến quan trọng: Quyền bình đẳng giữa các dân tộc căn bản đã được thể hiện trên mọi lĩnh vực của đời sống được củng cố. Kinh tế miền núi và các vùng dân tộc từng bước được phát triển. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân được cải thiện, mặt bằng dân trí được nâng lên. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xoá mù chữ. Hệ thống trường phổ thông nội trú được hình thành ở tỉnh, huyện. Đời sống văn hoá của đồng bào các dân tộc được nâng lên, truyền thống văn hoá được tôn trọng, giữ gìn và phát huy. Hệ thống chính trị ở các vùng dân tộc bước đầu được củng cố, tăng cường. An ninh chính trị và quốc phòng được giữ vững.

Trong bối cảnh thế giới và trong nước hiện nay, vấn đề dân tộc đang có những bước diễn biến phức tạp, vừa mang tính đặc thù riêng của mỗi

nước, vừa mang tính toàn cầu. Dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, nhân quyền... luôn luôn là những vấn đề nhạy cảm mà các thế lực thù địch tìm mọi cách lợi dụng để phá hoại, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, xã hội, an ninh quốc phòng. Đảng ta khẳng định: "Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam"¹². Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Phát triển toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc, quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết tập trung phát triển cơ sở hạ tầng, xoá đói giảm nghèo, khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái. Phát huy nội lực, tinh thần tự lực, tự cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước.

Để thực hiện tốt chính sách dân tộc hiện nay, trước mắt cần thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ chủ yếu và cấp bách sau:

1. Đẩy mạnh công tác xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của đồng bào dân tộc thiểu số, trọng tâm là đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Giải quyết ngay những vấn đề khó khăn, bức xúc như tình trạng thiếu lương thực, nước sinh hoạt, nhà ở, tư liệu sản xuất, dụng cụ sinh hoạt...

Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới. Làm tốt công tác định canh định cư và di dân xây dựng vùng kinh tế mới. Công tác quy hoạch, sắp xếp, phân bố lại dân cư, nguồn nhân lực theo hướng CNH, HĐH phải gắn với việc đảm bảo an ninh quốc phòng.

2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình. Tăng cường các hoạt động văn hoá thông tin, tuyên truyền cơ sở, tăng cường thời lượng, chất lượng các chương trình phát thanh, truyền

hình bằng tiếng dân tộc. Nghiên cứu, sưu tầm, giữ gìn và phát huy các giá trị, truyền thống tốt đẹp của văn hoá các dân tộc. Tăng cường các cơ sở khám chữa bệnh cho các xã, bản, thôn, ấp. Nâng cao công tác chăm sóc sức khoẻ cho đông bào các dân tộc thiểu số.

3. Thực hiện chương trình phổ cập giáo dục trung học cơ sở và các chương trình giáo dục miền núi, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo, nhất là hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú các cấp, mở rộng việc dạy chữ dân tộc, đa dạng hoá các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề, đưa chương trình dạy nghề vào các trường dân tộc nội trú. Tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên, cử tuyển dành cho con em các dân tộc vào học tại các trường đại học, cao đẳng, mở thêm trường dự bị đại học dân tộc ở Miền Trung và Tây Nguyên.

4. củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số. Kiên quyết khắc phục tình trạng quan liêu, xa dân của một số cán bộ. Thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ cán bộ người dân tộc. Đẩy mạnh việc phát triển Đảng trong đông bào các dân tộc.

5. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, phát huy sức mạnh tại chỗ,

sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra những "điểm nóng" về an ninh, trật tự xã hội ở vùng dân tộc và miền núi.

6. Thực hiện tốt chính sách tín ngưỡng, tôn giáo ở vùng dân tộc và miền núi, kiên quyết ngăn chặn việc lợi dụng chính sách tự do tôn giáo, tự do tín ngưỡng để hoạt động chống phá khối đoàn kết toàn dân, phá hoại sự nghiệp xây dựng CNXH.

7. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để đông bào các dân tộc tích cực tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng ở địa phương. Động viên đông bào các dân tộc phát huy nội lực, ý chí tự lực tự cường, tinh thần vươn lên trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc.

Thực hiện tốt những nhiệm vụ trên tức là chúng ta đã vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và miền núi vào sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước tiến lên trong thế kỷ XXI.

Tài liệu tham khảo:

(1), (2), (3): Hồ Chí Minh toàn tập - NXB CTQG tập 4 Tr 217.

(4): Hồ Chí Minh toàn tập - NXB CTQG tập 8 Tr 165.

(5), (6): Hồ Chí Minh toàn tập - NXB CTQG tập 9 Tr 171.

(7): Hồ Chí Minh toàn tập - NXB CTQG tập 10 Tr.608.

(8): Hồ Chí Minh toàn tập - NXB CTQG tập 9 Tr 441.

(9): Hồ Chí Minh toàn tập - NXB CTQG tập 9 Tr 442.

(10): Đảng cộng sản Việt Nam: Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 8 NXB CTQG Hà Nội Tr. 125.

(11): Nghị quyết hội nghị lần thứ 7 BCHTW khoá 9 về công tác dân số, tạp chí cộng sản số 11 tháng 4/2003.

SINH VIÊN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC TẠO RA TIỀN ĐỀ CHO VIỆC TỰ HỌC, TỰ NGHIÊN CỨU GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO Ở ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

Th.S Đặng Văn Hương - Phòng QLKH & QHQT

Chúng ta đều biết, giáo dục đại học là một tổng thể gồm nhiều khâu đồng bộ và chúng liên quan chặt chẽ với nhau. Để nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cần phải tác động vào tất cả các khâu, trong đó hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của sinh viên (SV) là một khâu quan trọng sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Sinh viên tham gia NCKH tạo ra tiền đề cho việc tự học, tự nghiên cứu góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở đại học và cao đẳng. SV tốt nghiệp đại học không những có đủ kiến thức cơ bản, hiện đại mà còn có năng lực (trong đó có năng lực sư phạm) vận dụng và phát triển những kiến thức đó để giải quyết các vấn đề do thực tiễn công tác đặt ra.

1. Tính cấp thiết và định hướng hoạt động NCKH của SV

Trong điều kiện phát triển hết sức nhanh chóng của khoa học công nghệ, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học... trong xu hướng toàn cầu hoá, lực lượng SV có thể coi là lực lượng thay thế có tiềm năng đội ngũ khoa học công nghệ của nước nhà. Hơn lúc nào hết trong nền kinh tế tri thức, vai trò NCKH là *yếu tố then chốt* để nâng cao chất lượng đào tạo và để tạo nhân lực khoa học công nghệ cho đất nước - đó là *yếu tố cơ bản quyết định sự tăng trưởng kinh tế của xã hội*.

Mục đích NCKH của SV là góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, qua NCKH sinh viên được tiếp cận với những kiến thức mới về khoa học công nghệ, làm quen với công tác tổ chức thực hiện NCKH và cơ hội vận dụng kiến thức đã được trang bị để góp phần giải

quyết các vấn đề cụ thể đặt ra trong công tác và thực tiễn.

Hoạt động NCKH của SV trường Đại học Hùng Vương đã có nhưng vẫn còn nhỏ bé, đó là việc NCKH giáo dục trong các đợt thực tập sư phạm, hoặc một số tiểu luận thay bài kiểm tra học trình, hoặc báo cáo nhỏ trong một Hội thảo học tập của SV... Tuy nhiên qua hoạt động NCKH SV mới có điều kiện rèn luyện để thể hiện năng lực nghiên cứu của mình. Sinh viên NCKH mang tính tất yếu để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Kết luận Hội thảo: “Đổi mới PPDH ở Đại học và Cao đẳng” năm 2003 – GS TSKH Thứ trưởng Bộ GD & ĐT - Trần Văn Nhung đã khẳng định: “Tăng cường NCKH đối với giảng viên và SV. Phương pháp đào tạo qua NCKH trong thực tiễn giúp cho người học tiến hành hoạt động nhận thức khoa học, tạo ra các sản phẩm là tri thức khoa học. Người học sẽ hoàn thiện vốn tri thức của mình dưới ảnh hưởng của khoa học công nghệ. Cho nên phải thúc đẩy quá trình NCKH của SV - nó sẽ tạo ra tiền đề cho việc tự học tập, tự nghiên cứu, phát huy năng lực tổ chức hoạt động giáo dục nói chung”.

Sinh viên NCKH trong thời gian tới được định hướng theo một số nội dung sau:

- * Tham gia thực hiện các đề tài NCKH, các dự án... dưới sự hướng dẫn của thầy cô giáo (nếu có).
- * Tham gia áp dụng những tiến bộ của khoa học kỹ thuật vào thực tiễn.
- * Nâng cao chất lượng môn học (viết tiểu

luận), đồ án môn học và luận văn tốt nghiệp.

* Tham gia thi Olympic, các giải thưởng cấp Trường, Bộ và các giải khác.

2. Những giải pháp để nâng cao chất lượng hoạt động NCKH của SV

Để hoạt động khoa học công nghệ của SV đạt kết quả cao cần:

* Có sự quan tâm, chăm lo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, của các Khoa, của các Bộ môn và các thầy cô giáo.

* Để thực hiện có kết quả phong trào sinh viên NCKH phải có đội ngũ thầy giáo vững về chuyên môn và giàu tâm huyết. Nhà trường đã nhận thức được như vậy và thường xuyên có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giáo viên, đặc biệt là giáo viên trẻ.

* Để động viên rộng rãi phong trào sinh viên NCKH, các phòng ban chức năng cần phối hợp chặt chẽ với Đoàn và Hội sinh viên, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đóng vai trò cầu nối giữa Sinh Viên – Thầy giáo – Phòng Quản lý Khoa học.

* Sự kết hợp giữa Trường - Viện - Cơ sở sản xuất là nhân tố rất quan trọng.

Trường Đại học hiện nay còn nghèo về trang thiết bị, cho nên cần đi sâu vào thực tiễn tức là thâm nhập vào các Nhà máy, Xí nghiệp, Viện nghiên cứu để trên cơ sở đó tìm đề tài nghiên cứu, tranh thủ các trang thiết bị đang có ở các cơ sở này và sau đó đưa trở lại phục vụ thực tiễn sản xuất.

Trong buổi làm việc tháng 4 - 2003 giữa Bộ trưởng Bộ GD & ĐT và Bộ trưởng Bộ KH-CN đã khẳng định: cần phải gắn kết các Trường Đại học với các Viện nghiên cứu cũng như với các doanh nghiệp, có như vậy mới nâng cao chất lượng đào tạo cũng như chất lượng các đề tài nghiên cứu.

* Mức độ hoạt động NCKH của SV phải phù

hợp với trình độ và yêu cầu học tập của SV từng năm, từng giai đoạn: ở năm thứ nhất, thứ hai khi chưa đủ kiến thức để NCKH thì chúng ta tổ chức viết tiểu luận, thi Olympic. Có như vậy mới từng bước bồi dưỡng và nâng cao dân nhận thức về chuyên ngành cho SV.

3. Những biện pháp thúc đẩy hoạt động NCKH trong SV

Một trong những nhiệm vụ chủ yếu của phòng Quản lý Khoa học (QLKH) là phối hợp với phòng Đào tạo, Khoa, Bộ môn, Đoàn thanh niên và Hội SV để tổ chức các hoạt động NCKH của SV, hướng dẫn - kiểm tra phong trào NCKH và tổ chức các Hội nghị Khoa học của SV...

Để thực hiện nhiệm vụ trên, trong thời gian tới, phòng QLKH sẽ thể chế hoá thành quy chế. Đó là một quy trình khép kín chặt chẽ phối hợp nhịp nhàng từ các Khoa, Bộ môn, Phòng Ban chức năng, Đoàn, Hội sinh viên tới Ban Giám hiệu và là công việc liên tục năm này qua năm khác. Tuy nhiên để phong trào NCKH SV phát triển rộng khắp và có chất lượng cao cần tập trung vào mấy vấn đề sau:

* Đầu năm học, phòng QLKH lập kế hoạch gửi xuống các đơn vị kế hoạch của cả năm và mỗi khoa chọn một số SV xuất sắc nhất để giao nhiệm vụ NCKH cho từng SV này. Có thể nói đây là hạt nhân cho phong trào NCKH của SV trong năm học.

* Sự phối hợp chặt chẽ giữa phòng QLKH và Đoàn thanh niên.

Chỉ có thông qua các hoạt động của Đoàn, công tác NCKH của SV mới thâm nhập vào mọi đoàn viên, SV mới hiểu được lợi ích trong việc tham gia NCKH, các khó khăn cần được giải quyết như tìm đề tài, tìm hiểu về chuyên ngành, tìm thầy...

* Phòng QLKH kết hợp với Đoàn tổ chức các Hội thảo chuyên đề, chẳng hạn: Năm 2004 có

Hội thảo “Thực trạng về NCKH của SV trong trường Đại học Hùng Vương, những khó khăn và thuận lợi”. Đây thực sự là diễn đàn của SV, qua đó SV mới thể hiện được những mong muốn của mình, những nguyện vọng và kiến nghị đối với Lãnh đạo trường và cũng qua những lời tâm sự chân thành của các thầy giáo đã trưởng thành qua quá trình tham gia sinh viên NCKH khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Qua đó SV nhận thức về sự cần thiết cần phải tham gia NCKH ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

* Tổ chức các buổi giao lưu với các trường bạn, với các nhà doanh nghiệp trẻ Chẳng hạn với chủ đề “Thanh niên rèn luyện học tập vì ngày mai lập nghiệp” qua đó SV cập nhật được thông tin kinh tế - xã hội để khi rời ghế nhà trường nhận thấy mình không còn ngỡ ngàng với xã hội.

* Để có được mối liên hệ giữa Trường, Viện, Công ty... Đoàn thanh niên nhà trường phối

hợp với phòng QLKH sẽ đặt nền móng cho mối giao lưu để tuổi trẻ giữa các đơn vị cùng kết hợp nghiên cứu và triển khai.

* Trong giai đoạn khi mà kinh phí cho sinh viên NCKH rất hạn hẹp, việc tìm các biện pháp khen thưởng kịp thời là hết sức cần thiết để động viên phong trào sinh viên NCKH.

Ngoài việc tổ chức tổng kết khen thưởng cuối năm cho những công trình xuất sắc, tiến tới Nhà trường sẽ cấp chứng chỉ cho các em SV tham gia NCKH. Có thể nói đây là một việc làm giúp cho SV bổ sung thêm vào hồ sơ tốt nghiệp khi ra trường và việc này sẽ có hiệu quả đối với các em khi vào các cơ quan, công ty nhận công việc cũng như khi các em tiếp tục được đào tạo ở các bậc học cao hơn.

Tất cả các biện pháp nêu trên nhằm đưa công tác NCKH của SV đạt được kết quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Tài liệu tham khảo

1 – Báo Giáo dục và Thời đại.

2 – Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục.

3 - Kỷ yếu Hội thảo “Đổi mới phương pháp dạy – học ở Đại học, Cao đẳng”, tháng 3 năm 2003 tại trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2, Xuân Hoà, Vĩnh Phúc

NGHIÊN CỨU SỬ DỤNG NGÔ HQ 2000 THAY THẾ NGÔ THƯỜNG ĐỂ CHĂN NUÔI GÀ THỊT VÀ LỢN THỊT

PGS.TS. Cao Văn - Trường Đại học Hùng Vương
TS. Hoàng Toàn Thắng; TS. Phạm Đức Chương - Trường Đại học Thái Nguyên

Ngô HQ 2000 được Viện nghiên cứu ngô TW chọn tạo, khi phân tích giá trị dinh dưỡng của ngô HQ 2000 và ngô thường thấy ngô HQ 2000 có giá trị dinh dưỡng cao hơn, đặc biệt hàm lượng Protein và 2 axit amin thiết yếu Lisine và Triptophan. Khi sử dụng ngô HQ 2000 thay thế ngô thường để nuôi lợn thịt và gà thịt thì có kết quả tăng trọng tốt hơn, hiệu quả kinh tế cao hơn.

Đặt vấn đề

Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng vững chắc của ngành chăn nuôi, một vấn đề có tầm quan trọng to lớn là phải từng bước tìm các biện pháp hạ giá thành thức ăn cho chăn nuôi, vì thức ăn chiếm tỷ trọng chi phí tới 70% trong giá thành sản phẩm chăn nuôi. Một trong những biện pháp đó là sử dụng hợp lý nguồn nguyên liệu thức ăn gia súc địa phương, mặt khác ra sức tìm tòi các nguồn thức ăn mới có chất lượng dinh dưỡng cao hơn, kể cả con đường sử dụng công nghệ sinh học chọn tạo giống cây trồng để có những giống mới năng suất cao, chất lượng tốt.

Ngô HQ do Viện nghiên cứu Ngô Trung ương chọn tạo và bước đầu đưa ra sản xuất trong thời gian vừa qua là sự đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất chăn nuôi. Tuy nhiên trước một đối tượng giống cây thức ăn mới, việc triển khai các nghiên cứu sử dụng cho chăn nuôi cần phải đặt ra và tiến hành một cách cẩn trọng. Nhiều vấn đề nghiên cứu cần phải đặt ra khi đưa giống ngô HQ vào phục vụ chăn nuôi. Trong đó, việc trả lời câu hỏi: Sử dụng ngô HQ để chăn nuôi lợn thịt, gà thịt liệu có góp phần tăng năng suất chăn nuôi, hạ giá thành và chi phí thức ăn, và liệu có thiết thực mang lại hiệu quả cho người lao động không?

Đây là vấn đề cần thiết phải được nghiên cứu khảo nghiệm trước hết, để kịp thời khuyến cáo

các địa phương sản xuất ngô HQ trên diện rộng nhằm thay thế các giống ngô cũ trước đây.

Được sự giúp đỡ của chương trình nghiên cứu giống ngô HQ 2000 của Viện nghiên cứu Ngô, chúng tôi đã triển khai đề tài:

" Nghiên cứu sử dụng ngô HQ - 2000 thay thế ngô thường để chăn nuôi lợn thịt, gà thịt".

*** Mục tiêu của đề tài :**

- Đánh giá hiệu quả sử dụng ngô HQ 2000 thay thế ngô thường để chăn nuôi lợn thịt, gà thịt.
- Có cơ sở khoa học và thực tiễn góp phần khuyến cáo phổ cập giống ngô HQ này vào sản xuất đại trà để phục vụ chăn nuôi.

Đối tượng, nội dung và PP nghiên cứu :

Đối tượng : Gồm 900 gà thịt giống Lương Phượng, 72 lợn thịt giống Landrace.

Thí nghiệm mỗi loại vật nuôi được chia làm 3 lô đồng đều về giống, tuổi, tính biệt. Khác nhau về khẩu phần. Lô ĐC sử dụng khẩu phần 100% ngô thường, lô TN1 thay ngô thường bằng 100% ngô HQ, lô TN2 50% ngô thường + 50% ngô HQ.

Nội dung nghiên cứu :

- Thành phần dinh dưỡng ngô HQ 2000 và các loại thức ăn thí nghiệm.
- Nghiên cứu sử dụng ngô HQ 2000 cho lợn thịt và gà thịt.

Phương pháp nghiên cứu : Phân tích axit amin bằng máy tự động Biochrom 20 của Thụy Điển và các phương pháp thí nghiệm chăn nuôi thường quy.

Địa điểm nghiên cứu : Trại chăn nuôi
Huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên từ 3/2003 đến
12/2003.

1. Kết quả nghiên cứu thành phần dinh dưỡng
của hạt ngô HQ 2000 so với ngô thường.

Kết quả nghiên cứu và thảo luận :

Bảng 1. Thành phần dinh dưỡng của hạt ngô HQ 2000 so với ngô thường

Gióng ngô	ĐVT	Ngô HQ	Ngô thường	Ngô lai VN
Các chỉ tiêu				
Tỷ lệ nước	%	9,51	11,4	12,0
Protein thô	%	11,46	8,80	9,00
Lipit thô	%	4,56	3,90	4,60
Xơ thô	%	2,26	1,40	1,34
Khoáng	%	1,62	1,40	1,34
Ca	%	0,21	0,22	0,22
P	%	0,28	0,28	0,27
Dẫn xuất vô đạm	%	70,59	73,04	71,26
Lysine/Protein TS	%	4,07	2,90	2,50
Tryptophan/Pr TS	%	0,86	0,50	0,60
Năng lượng trao đổi	Kcal/kg	3332	3225	3324

Bảng 2. Thành phần axit amin của một số giống ngô (% theo protein)

STT	Chỉ tiêu phân tích	Ngô HQ	Ngô thường *	Ngô HQ/ngô thường (%)
1	AS partic	6,55	6,40	102.34
2	Threonine	3,88	3,40	114.11
3	Serine	5,32	4,00	133.00
4	Glycine	5,36	4,20	127.62
5	Proline	7,95	8,00	99.37
6	Glycine	5,36	4,20	127.62
7	Alanine	5,33	7,20	74.02
8	Cysteine	2,49	-	-
9	Valine	5,49	4,30	127.67
10	Methionine	1,45	1,90	76.31
11	Izoleucine	4,41	5,60	78.75
12	Leucine	9,17	12,10	75.78
13	Tyrosine	2,36	5,10	46.27
14	Phenylalanine	7,41	5,00	148.20
15	Histidine	5,42	3,70	146.48
16	Lysine	4,89	3,30	148.18
17	Ammonium	4,52	-	-
18	Arginine	7,34	4,40	166.82
19	Tryptophan	0,25	0,11	227.27

(*Nguồn : Thành phần hoá học và giá trị dinh dưỡng thức ăn gia súc Việt Nam - Viện chăn nuôi - NXBNN 2001).

Kết quả phân tích các chỉ tiêu dinh dưỡng thông thường cho thấy ngô HQ 2000 có hàm lượng VCK đạt 904,9 g/kg, ngô thường đạt 886,0 g/kg thấp hơn 2,06 %; hàm lượng protein đạt 114,6g/kg, ngô thường chỉ đạt 88,0 g/kg chênh lệch nhau tới 26,6 g/kg tương ứng với 30,34%. Có thể gọi ngô

HQ 2000 là ngô giàu đạm. Về 2 axit amin Lysine và Tryptophan là 2 axit amin thiết yếu của ngô HQ 2000 cao hơn hẳn ngô thường, có thể gọi ngô HQ 2000 là ngô chất lượng cao.

2. Kết quả thí nghiệm trên gà thịt :

Kết quả theo dõi khối lượng của đàn gà qua các kỳ cân, chúng tôi trình bày ở bảng 3.

Bảng 3. Khối lượng bình quân qua các kỳ cân (gr/con).

Tuần tuổi	Lô ĐC 100% ngô thường		Lô TN1 100% ngô HQ		Lô TN2 50% ngô thường + 50% ngô HQ	
	$\bar{X} \pm m_{\bar{X}}$	So sánh (%)	$\bar{X} \pm m_{\bar{X}}$	So sánh (%)	$\bar{X} \pm m_{\bar{X}}$	So sánh (%)
SS	37,93 $\pm$ 0,21	100	38,0 $\pm$ 0,21	100	37,94 $\pm$ 0,22	100
2	249,67 $\pm$ 5,40	100	279,0 $\pm$ 3,93	112,0	273,33 $\pm$ 4,65	109,00
4	591,34 $\pm$ 16,05	100	584,67 $\pm$ 13,52	98,87	595,67 $\pm$ 13,06	101,00
6	1196,67 $\pm$ 31,62	100	1175,00 $\pm$ 28,65	99,10	1188,33 $\pm$ 34,53	96,00
8	1650,0 ^b $\pm$ 47,88	100	1710,0 ^{ab} $\pm$ 58,40	103,60	179,67 ^a $\pm$ 33,17	108,60
10	2158,33 ^b $\pm$ 55,73	100	2236,67 ^{ab} $\pm$ 55,07	103,62	2339,46 ^a $\pm$ 50,52	108,39

- Lô sử dụng 100% ngô HQ 2000 có tăng

(Theo hàng ngang, những số trung bình mang chữ cái khác nhau thì sự sai khác có ý nghĩa thống kê).

trọng cao hơn lô đối chứng 8,4%, tiêu tốn thức

Ngoài ra chúng tôi còn theo dõi tỷ lệ nuôi sống, ngoại hình và tình hình cảm nhiễm bệnh tật.

Khi sử dụng ngô HQ 2000 thay thế ngô thường, trong cùng một điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng như sau, trên nền thức ăn như nhau, đến 10 tuần tuổi cho thấy :

- Lô gà nuôi bằng 100% ngô HQ 2000 có tỷ lệ nuôi sống cao hơn (95,00% so với 93,00%), gà có ngoại hình đẹp hơn, được khách hàng ưa chuộng và thể hiện rõ hơn thông qua màu sắc lông da bóng mượt, tươi hơn.

- Tình hình nhiễm bệnh ở các lô gà như nhau, các bệnh xảy ra đều là những bệnh thường xuyên đối với gà nuôi tập trung ở địa phương.

ăn/kg tăng trọng giảm 11,50%, hiệu quả kinh tế đạt cao tới tuổi xuất bán, tiêu tốn thức ăn 1kg gà thấp hơn, tiết kiệm chi phí về thức ăn cho 1kg thịt gà, lợi nhuận về kinh tế sẽ đạt được cao hơn. Chi phí về thức ăn cho 1kg gà thịt ở lô 100% ngô HQ là thấp nhất, sau đó là lô 50% ngô HQ, cao nhất là lô nuôi bằng 100% ngô thường, điều đó cho thấy : giá thành của 1kg thịt gà ở lô nuôi bằng ngô HQ thấp nhất, lô này có hiệu quả kinh tế cao nhất.

3. Kết quả nghiên cứu sử dụng ngô HQ 2000 cho chăn nuôi lợn thịt.

*Kết quả về tốc độ sinh trưởng : Sinh trưởng tích lũy của lợn thí nghiệm được thể hiện bằng khối lượng qua các kỳ cân, được theo dõi sau khi xử lý thống kê, kết quả thu được biểu hiện ở bảng sau :

Bảng 4. Khối lượng của lợn thí nghiệm qua các kỳ cân (kg).

Lô Diễn giải	Lô ĐC 100% ngô thường		Lô TN1 100% ngô HQ		Lô TN2 50% ngô thường + 50% ngô HQ	
	$\bar{X} \pm m_{\bar{x}}$	CV(%)	$\bar{X} \pm m_{\bar{x}}$	CV(%)	$\bar{X} \pm m_{\bar{x}}$	CV(%)
P bắt đầu TN	19,20 ± 0,57	9,03	19,40 ± 0,53	7,31	19,50 ± 0,52	8,10
P 30 ngày TN	37,33 ± 0,56	4,28	41,30 ± 0,64	4,68	39,10 ± 0,50	3,85
P 60 ngày TN	60,50 ± 1,12	5,23	66,45 ± 0,89	4,02	62,80 ± 1,30	6,21
TN ₁ > < ĐC			ĐC > < TN ₂			

Theo kết quả bảng 4 cho thấy : Khối lượng lợn kết thúc thí nghiệm ở ba lô thí nghiệm là khác nhau ($p < 0,001$ độ tin cậy là 99,9%), trong đó lợn ở lô sử dụng 100% HQ tăng trọng cao nhất.

Ngoài ra chúng tôi còn nghiên cứu về tiêu tốn thức ăn, hiệu quả kinh tế của thí nghiệm.

Dùng ngô HQ 2000 để thay thế ngô thường trong khẩu phần ăn của lợn nuôi thịt có một số ưu việt và hiệu quả nhất định :

- Về mức tăng trọng : ở lô thí nghiệm 1 tức là dùng 100% ngô HQ 2000 có mức tăng trọng lớn nhất và kế đến là lô thí nghiệm 2 (dùng 50% ngô

HQ và 50% ngô thường), còn thấp nhất là ở lô đối chứng (100% ngô thường). Nếu so sánh với lô đối chứng thì lô thí nghiệm 1 tăng 13,92 % và lô thí nghiệm 2 tăng 4,84 %.

- Về tiêu tốn thức ăn cho 1kg tăng trọng chúng tôi thấy ở lô thí nghiệm 1 là thấp nhất chỉ có 2,87 kg, ở lô thí nghiệm 2 là 3,1 kg và cao nhất là lô đối chứng : 3,3 kg thức ăn. Nếu so sánh với lô đối chứng thì ở lô thí nghiệm 1 giảm được 13,1% và ở lô thí nghiệm 2 giảm được 6,1 % tiêu tốn thức ăn.

- Về mặt chi phí thức ăn trên 1 kg tăng trọng thì ở lô thí nghiệm 1 chi phí thấp nhất : 7460 đ, lô thí nghiệm 2 : 8107 đ, trong khi đó ở lô đối chứng chỉ hết 8654 đ.

- Qua 3 chỉ tiêu trên cùng một số chỉ tiêu khác chúng tôi cho rằng : Có thể thay thế ngô HQ 2000 cho chăn nuôi lợn thịt và nên thay thế 100% để đạt được hiệu quả cao nhất.

Kết luận :

- Ngô HQ 2000 là giống ngô có chất lượng Protein nói riêng và chất lượng dinh dưỡng nói chung cao. Ngô HQ có tỷ lệ Protein 11,46% - cao hơn ngô thường 2,66% và cao hơn ngô lai 2,46%. Ngô HQ có sự cân đối axit amin tốt hơn ngô thường, có tỷ lệ axit amin lyzin và tryptophan cao hơn 1,48 lần và 2,27 lần so với ngô thường, có khả năng là nguồn thức ăn cân đối chung axit amin trong khẩu phần cho lợn và gà.

- Đối với gà thịt : cho tỷ lệ nuôi sống cao hơn đối chứng 2% cho tăng trọng cao hơn lô đối chứng 8,6 %, tiêu tốn thức ăn/kg tăng trọng giảm từ 4,20% tới 11,5%, tiết kiệm được chi phí thức ăn/kg gà từ 401 đ đến 1.092 đ (tùy theo mức độ thay thế 50% hay 100% ngô thường bằng ngô HQ).

- Đối với lợn thịt : Cho mức tăng trọng tăng từ 4,84% tới 13,92% so với lô đối chứng sử dụng 100% ngô thường. Mức tiêu tốn thức ăn/kg TT của lợn thịt chỉ hết 2,87 kg cho lô ăn 100% HQ (thí nghiệm 1) trong khi lô thí nghiệm 2 ăn 50% HQ + 50% ngô thường hết 3,1 kg, lô đối chứng 100% ngô thường hết tới 3,3 kg. Nếu so sánh với lô đối chứng thì lô thí nghiệm 1 giảm được 13,1%, còn thí nghiệm 2 chỉ giảm 6,1%. Về chi phí thức ăn/kg tăng trọng, lô thí nghiệm 1 thấp nhất hết 7.460đ, lô thí nghiệm 2 hết 8.107đ trong khi đó lô đối chứng hết 8.654đ.

- Từ kết quả sử dụng HQ cho lợn thịt và gà thịt cho thấy sử dụng ngô HQ thay thế hoàn toàn ngô thường cho kết quả cao nhất.

Tài liệu tham khảo :

1. Cù Thị Thuý Nga - Luận văn Thạc sĩ khoa học nông nghiệp ĐHNLTN 2002.
2. Đỗ Thị Phương - Luận văn Thạc sĩ khoa học nông nghiệp ĐHNLTN 2002.
3. Cao Văn, Lê Minh Toàn - Đề tài nghiên cứu cấp bộ ĐHTN 2004.